

Số: 16 /QĐ-TTYT

Na Sang, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026
của Trung tâm Y tế Na Sang**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ NA SANG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng TCKT Trung tâm Y tế Na Sang,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trung tâm Y tế Na Sang (Có biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Trên Website Trung tâm Y tế.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các khoa phòng, trạm Y tế, viên chức thuộc Trung tâm Y tế Na Sang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thúy Hồng

CÔNG KHAI GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-TTYY ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Trung tâm Y tế)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Loại	Khoản	Cộng	TTYT Na Sang				070
	130							
Mã đơn vị quan hệ ngân sách				1034182				
Mã kho bạc				2763				
			Cộng	132	131	151	093	
II	Dự toán chi NSNN			58.798	50.923	7.087	768	20
1	Chi thường xuyên			58.798	50.923	7.087	768	20
1.2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề			20	-	-	-	20
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			20	-	-	-	20
	- Đào tạo tập huấn			20	-	-	-	20
1.3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			58.778	50.923	7.087	768	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			50.036	42.949	7.087	-	-
	Trong đó: Đã khấu trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL năm 2026			231	157	74	-	-
	- Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL 2026			231	157	74	-	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			6.902	6.237	-	665	-
	- Kinh phí hỗ trợ nhân viên YTTB			1.137	1.137	-	-	-
	- Bồi dưỡng cộng tác viên dân số			665	-	-	665	-
	- Kinh phí đầu tư cho bệnh án điện tử			2.200	2.200	-	-	-
	- Mua sắm trang thiết bị chuyên môn			2.500	2.500	-	-	-
	- Kinh phí hỗ trợ hoạt động Methadone			400	400	-	-	-
c	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP			1.737	1.737	-	-	-
d	Chi từ nguồn hỗ trợ vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu, chế độ chính sách theo quy định			103	-	-	103	-
	Hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương để Duy trì cho các hoạt động CTMTYTDS			103	-	-	103	-
	Dân số và phát triển			93	-	-	93	-
	+ Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS - KHHGĐ)			93	-	-	93	-
	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông Y tế			10	-	-	10	-